

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/DS-ST

Ngày: 24-6-2025

V/v: “BTTH do danh dự, nhân
phẩm bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Hiệp

Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 485/2024/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Minh T (L), sinh năm 1982

2. Bà Đặng Thị Bé H, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: C Hoàng Anh R, phường T, TP T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 9/6 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Tô Thị N, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Số F, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh N1, sinh năm 1990 nơi cư trú số nhà B, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1963

Nơi cư trú: 149/1 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà L1: Bà Ngô Thị Kim T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: C Hoàng Anh R, phường T, TP T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 9/6 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Văn Chí E, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1990

Cùng nơi cư trú: 3 ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim T1 trình bày:

Ngày 20/7/2024 bà Phạm Thị L1 là mẹ ruột của ông Lê Minh T hỏi ông T có sống chung với bà Nguyễn Thị Hồng V dẫn đến có một (01) đứa con năm nay vào lớp 1 hay không. Ông T rất ngỡ ngàng khi nghe mẹ là bà L1 hỏi vậy, ông T hỏi lại bà L1 hỏi ai nói với mẹ như vậy. Bà L1 trả lời là bà đi trị bệnh (chạy điện) tại Công ty TNHH T5 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre có gặp bà Tô Thị N có địa chỉ tại số F ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, bà N nói với bà L1 là bà L1 có cháu nội rơi, con của ông Lê Minh T tên thường gọi là L “sống với con V (Nguyễn Thị Hồng V) có chồng tên là Nguyễn Văn Chí E có một đứa con giống ông T năm nay vào lớp 1”. Như vậy, bà Tô Thị N đã bịa đặt, vu khống, xúc phạm danh dự nhân phẩm ông T và bà Bé H.

Từ khi bà N bịa đặt vu khống tôi, bà Đặng Thị Bé H nghi ngờ ông T dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên, bà H không còn tin tưởng ông T nữa. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Ông T2 buồn bực bỏ công việc làm ăn nên mất thu nhập, bà H cũng buồn bực bỏ công việc làm ăn nên mất thu nhập.

Vì sự vu khống vô căn cứ của bà N đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc, tình cảm vợ chồng, cha con của gia đình ông T, bà H. Bạn bè, người thân đều biết, ông T cảm thấy xấu hổ, mất ăn, mất ngủ. Bà H rầu lo mất ăn, mất ngủ. Con ông T, bà H cứ hỏi có chuyện này không? Con ông T, bà H đang tuổi trưởng thành lo sợ con bị ảnh hưởng tâm lý khi bạn bè, người khác nói cha nó có con rơi. Ông T mất uy tín với vợ con, mất danh dự với người thân, bạn bè.

Ông Lê Minh T, bà Đặng Thị Bé H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tô Thị N phải công khai xin lỗi ông T, bà H ngay tại Tòa bằng lời nói và bằng văn bản sau khi có quyết định Thi hành án của Cơ quan Thi hành án .

Buộc bà Tô Thị N bồi thường cho ông T và bà H, trong đó: tiền mất thu nhập cho bà Đặng Thị Bé H trong thời gian 30 (ba mươi) ngày, mỗi ngày 500.000 đồng với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Lê Minh T (Lượm) trong thời gian 30 ngày (ba mươi), mỗi ngày 300.000 đồng với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Buộc bà Tô Thị N bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông T và bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng: 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Thanh N1 trình bày:*

Giữa bà Tô Thị N với bà Phạm Thị L1, ông Lê Minh T (Lượm) và bà Đặng Thị Bé H sinh sống ở cùng địa phương không có mối quan hệ bà con, nhà không ở gần nhau và do yêu cầu công việc bà N thường xuyên đi mua bán ở chợ, nên không có quan hệ qua lại cũng không có mâu thuẫn gì với nhau. Bản thân bà Tô Thị N không có lời nói qua lại hoặc làm việc gì làm ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm, nhân phẩm của bà Đặng Thị Bé H và ông Lê Minh T (Lượm).

Ông Lê Minh T, bà Đặng Thị Bé H khởi kiện Tô Thị N phải công khai xin lỗi ông T, bà H ngay tại Tòa bằng lời nói và bằng văn bản sau khi có quyết định Thi hành án của Cơ quan Thi hành án. Buộc bà Tô Thị N bồi thường tiền mất thu nhập cho bà Đặng Thị Bé H trong thời gian 30 (ba mươi) ngày, mỗi ngày 500.000 đồng với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Lê Minh T (Lượm) trong thời gian 30 ngày (ba mươi), mỗi ngày 300.000 đồng với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Buộc bà Tô Thị N bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông T và bà H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng: 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) nhưng ông T, bà H không nêu được nguyên nhân, cũng không cung cấp cho Tòa án những chứng cứ hoặc giấy tờ tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N đã xâm phạm danh dự nhân phẩm của ông T, bà H nên bà N không đồng ý với các nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Tô Thị N có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị L1 công khai xin lỗi bà tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre bằng lời nói và bằng văn bản khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án. Buộc bà Phạm Thị L1 phải bồi thường cho bà Tô Thị N tiền tổn thất tinh thần bằng 03 (ba) tháng lương cơ bản là 7.020.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) do bà L1 xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N.

- *Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L1 là bà Ngô Thị Kim T1 trình bày:*

Ngày 20/7/2024, bà Phạm Thị L1 đi trị bệnh (chạy điện) tại Công ty TNHH T5 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre ở đây có nhiều người nhưng bà Phạm Thị L1 có gặp bà Tô Thị N có địa chỉ tại số F ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nói với bà Phạm Thị L1 là tôi nghe bà Q nói (hiện bà Q đã bỏ địa phương đi đâu không ai biết) là bà Phạm Thị L1 có cháu nội rơi, con bà Phạm Thị L1 là ông Lê Minh T tên thường gọi là L đã sống với bà Nguyễn Thị Hồng V (chồng là ông Nguyễn Văn Chí E) có một đứa con giống con giống ông T, năm nay vào lớp 1. Lúc đó có mặt bà Lê Thị S ngồi kế bên cũng nghe, ba ngày sau là ngày 23/7/2024, cũng tại Công ty TNHH T5 bà Tô Thị N hỏi bà Phạm Thị L1 "Bà có hỏi thằng L (Lê Minh T) con bà không?" bà Phạm Thị L1 trả lời "có hỏi nhưng nó nói không có". Lúc đó có mặt bà Lê Thị S ngồi kế bên cũng đã nghe.

Bà Tô Thị N trình bày khẳng định là bà L1 chủ động hỏi bà N trước và bà L1 tự đặt ra câu chuyện này để vu khống bà N nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh để cung cấp cho bà L1 và Tòa án. Thiết nghĩ bà L1 không có lý do vì đem danh dự và hạnh phúc của vợ chồng con trai mình (Lê Minh T và Đặng Thị Bé H) để đặt

chuyện vu khống bà N và thừa kiện tại Tòa án cũng như làm ảnh hưởng đến danh dự và hạnh phúc của vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Nguyễn Văn Chí E trong khi bà L1 trước đây chưa từng tiếp xúc hay biết nhà bà V, chưa từng biết mặt ông Nguyễn Văn Chí E. Từ khi bà N nói ông T có quan hệ bất chính với bà V có 01 đứa con vào ngày 20/07/2024, bà L1 về nhà hỏi Lê Minh T và con dâu là Đặng Thị Bé H biết làm cho vợ chồng cự cãi, nghi ngờ không còn hạnh phúc như trước. Như vậy, bà L1 không thể tự bịa đặt câu chuyện để vu khống bà N để làm ảnh hưởng đến danh dự và hạnh phúc của vợ chồng ông T, bà H là con bà L1.

Do bà Tô Thị N là người nói xấu xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông Lê Minh T (Lượm), bà Đặng Thị Bé H, ông Nguyễn Văn Chí E và bà Nguyễn Thị Hồng V nên phải xin lỗi và bồi thường theo quy định. Việc bà Tô Thị N có yêu cầu độc lập yếm cầu bà L1 công khai xin lỗi tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre bằng lời nói và bằng văn bản khi có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án. Buộc bà Phạm Thị L1 phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 03 (ba) tháng lương cơ bản là 7.020.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) thì bà L1 hoàn toàn không đồng ý do bà L1 không có bịa đặt vu khống xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Chí E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Tôi chỉ quen biết không có mối quan hệ bà con, không có mâu thuẫn gì với bà Phạm Thị L1, ông Lê Minh T (Lượm) và bà Đặng Thị Bé H. Tôi nghe Nguyễn Thị Hồng V là vợ tôi nói lại vào ngày 21/7/2024 bà Tô Thị N nói xấu vợ tôi là Nguyễn Thị Hồng V ăn ở với ông Minh T có một người con. Đến ngày 22/7/2024 vợ chồng ông T có ra nhà của vợ chồng tôi để nói là bà N nói xấu 02 gia đình như trên, ngay sau đó vợ tôi là V có qua mời bà N qua nhà tôi để đối chất nhưng bà N không qua nhà của tôi, sau đó vợ tôi là V và bà B H là vợ chồng ông T có qua nhà bà N để nói chuyện nhưng bà N không thừa nhận việc nói xấu. Khi nghe bà N nói xấu rất bức tức, tâm lý không ổn định, mất tinh thần không tập trung cho công việc bức tức với vợ con, xấu hổ với bạn bè, gia đình và hàng xóm.

Tôi tin tưởng vợ tôi là Nguyễn Thị Hồng V, do sợ ảnh hưởng tâm lý của con và hạnh phúc gia đình nên không yêu cầu giám định AND con của mình, nhưng bà N nói xấu nên phải xin lỗi và bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 21/7/2024 bà Đặng Thị Bé H gọi điện cho tôi, hỏi tôi và ông T có quan hệ gì không, tôi trả lời không có. Đến ngày 22/7/2024 ông T, bà H có qua nhà tôi, tôi có kêu ông bà ngồi chờ, tôi qua mời bà Tô Thị N qua nói chuyện cho ra lẽ (do nhà bà N cách nhà tôi một căn nhà), nhưng bà N không chịu qua gặp mặt, nên tôi và ông T, bà H có qua nhà bà N để đối chất, bà N nói bà N không có nói như lời như bà L1 nói lại với ông T, bà H.

Từ việc bà Tô Thị N nói xấu tôi với bà Phạm Thị L1, bà L1 nói và hỏi lại ông T, bà H dẫn đến ông T, bà H đến nhà tôi để hỏi mọi việc như thế nào. Sau khi chồng tôi ông Nguyễn Văn Chí E nghe lời nói xấu đó nên day nghiến, đánh đập, chửi mắng

thậm tệ đối với tôi. Đến ngày 26/7/2024 tôi có vào nhà bà L1 để yêu cầu bà L1 nói rõ sự việc, bà L1 nói do bà Tô Thị N nói, tôi có hỏi bà L1 có đồng ý làm chứng cho tôi không, bà L1 đồng ý làm chứng. Do vợ chồng không còn vui vẻ như trước nên tôi có yêu cầu chồng tôi là ông Chí E đi xét nghiệm AND cho con, nhưng ông Chí E không đồng ý, do thu nhập thấp nên không yêu cầu xét nghiệm AND giả lại nếu làm xét nghiệm sau này ảnh hưởng đến tinh thần của con, tôi có nói với ông Chí E “nếu ông yêu cầu xét nghiệm kết quả nếu phải con của ông hay không phải con của ông, thì tôi cũng ly hôn ông”. Mọi vấn đề mâu thuẫn giữa 02 gia đình là do bà Tô Thị N nói xấu nhưng bà N nói xấu nên phải xin lỗi và bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định; đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bà Tô Thị N là bị đơn, bà Phạm Thị L1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nếu bà N có yêu cầu bà L1 bồi thường tiền tổn thất tinh thần thì phải khởi kiện bằng một vụ kiện khác Tòa án thụ lý sau đó nhập vụ án mà mới đúng quy định. Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của bà N trong vụ án này là chưa đúng. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án có thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của bà N là đúng quy định. Mặc dù có vi phạm nhưng không lớn kiến nghị rút kinh nghiệm chung.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 93, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T và bà Đặng Thị Bé H về việc yêu cầu bà Tô Thị N công khai xin lỗi và bồi thường tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần với số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng);

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Tô Thị N đối với bà Phạm Thị L1 về việc yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường tiền tổn thất tinh thần với số tiền 7.020.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T3, bà Đặng Thị Bé H vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm”, bị đơn bà Tô Thị N có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo

quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Chí E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Tòa án xử xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Đặng Thị Bé H về việc buộc bà Tô Thị N phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại do bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: nguyên đơn ông T, bà H cho rằng bà Tô Thị N đã có hành vi vu khống, bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của mình thông qua lời kể của bà Phạm Thị L1 – mẹ ruột của ông Lê Minh T. Tuy nhiên, nội dung mà nguyên đơn nêu không được chính bà Tô Thị N thừa nhận. Nguyên đơn không chứng minh được có hành vi trái pháp luật của bị đơn, thiệt hại thực tế xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại. Chứng cứ ngoài lời khai của bà Phạm Thị L1 mẹ ruột ông T, lời làm chứng của bà Lê Thị S, bà Phạm Thị Hồng Y về việc nghe lại từ bà N, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ trực tiếp, rõ ràng nào chứng minh bà N có phát ngôn nhằm xúc phạm hoặc công khai bịa đặt nhằm xúc phạm, danh dự, nhân phẩm truyền thông tin sai sự thật.

[3] Xét lời trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Phan Văn T4, bà Bùi Ngọc C, bà Lê Thị S, bà Phạm Thị Hồng Y và Nguyễn Thị Kim L2 cũng chỉ thể hiện nghe nói lại hoặc biết công việc hàng ngày của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Các lời nói qua lại giữa các bên nếu có, chủ yếu xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, trao đổi trong phạm vi cá nhân, không có dấu hiệu làm nhục, xúc phạm nghiêm trọng hoặc mang tính lan truyền trên mạng xã hội hay nơi công cộng. Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Chí E và bà Nguyễn Thị Hồng V cũng chỉ mang tính chất thuật lại, suy đoán và cảm nhận chủ quan, không thể hiện việc bà N có hành vi bịa đặt hay công khai thông tin sai lệch. Bên cạnh đó, những tổn thất về tinh thần, thu nhập mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường cũng không có tài liệu chứng minh cụ thể về thiệt hại thực tế và mối quan hệ nhân quả trực tiếp với hành vi bị xúc phạm. Như vậy, chỉ căn cứ vào lời nói của bà Phạm Thị L1 là mẹ của nguyên đơn và lời của người làm chứng nên yêu cầu của nguyên đơn không đủ căn cứ pháp lý và chứng cứ để chứng minh hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm cũng như thiệt hại thực tế theo quy định tại Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Đặng Thị Bé H.

[4] Xét yêu cầu độc lập của bị đơn bà Tô Thị N về việc buộc bà Phạm Thị L1 công khai xin lỗi và bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 7.020.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Tô Thị N cho rằng bà Phạm Thị L1 đã vu khống, đặt điều khiến bà N bị ảnh hưởng danh dự. Tuy nhiên, chính lời trình bày của bà L1 cũng như lời khai của các bên liên quan đều cho thấy bà L1 chỉ là người nghe lại thông tin được cho là từ bà N rồi kể lại cho con mình – ông T. Việc bà L1 hỏi lại ông T về thông tin liên quan đến quan hệ với bà Nguyễn Thị Hồng V chỉ xuất phát từ động cơ cá nhân là mong muốn làm rõ sự thật, không có dấu hiệu lợi dụng để xúc phạm, bịa

đặt hoặc phát tán thông tin gây ảnh hưởng danh dự người khác. Hơn nữa, việc bà Tô Thị N không cung cấp được chứng cứ cụ thể chứng minh bà L1 đã lan truyền thông tin sai sự thật hoặc có hành vi bôi nhọ danh dự của bà trước cộng đồng, cho thấy không đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị L1 đã có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của bà Tô Thị N. Do vậy, yêu cầu độc lập của bị đơn Tô Thị N không có căn cứ pháp lý và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Tô Thị N.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T, bà Đặng Thị Bé H là bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và bà Tô Thị N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 93, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 592 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T và bà Đặng Thị Bé H về việc yêu cầu bà Tô Thị N công khai xin lỗi và bồi thường tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần với số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Tô Thị N đối với bà Phạm Thị L1 về việc yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường tiền tổn thất tinh thần với số tiền 7.020.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T, bà Đặng Thị Bé H là bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và bà Tô Thị N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) cho ông Lê Minh T, bà Đặng Thị Bé H theo biên lai thu số 005862 ngày 27/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương